TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 84 /2017/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2017.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 614/2017/TLST/HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V A, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số 142 ngõ T T 1, phường T Q, quận Đ Đ, Hà Nội.

Nghề nghiệp: Kế toán

Bị đơn: Anh Mai N H, sinh năm 1978

Địa chỉ: Số 142 ngõ T T 1, phường T Q, quận Đ Đ, Hà Nội.

Nghề nghiệp: Kế toán

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81,82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. ***Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa*** :

Chị Nguyễn Thị V A và anh Mai N H.

2. ***Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau***:

-Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V A và anh Mai N H chung sống với nhau từ năm 2004 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H C, huyện T B, tỉnh P T ngày 16/9/2004. Sau khi kết hôn chị V A và anh H chung sống tại nhiều nơi, đến tháng 8/2008 thì chuyển về sống tại số 142 ngõ T T 1, phường T Q, quận Đ Đ, Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Nay chị V A và anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh, chị.

- Về con chung: Xác nhận chị V A và anh H có 03 con chung là Mai N L C (nữ), sinh ngày 24/7/2006; Mai N G L (nữ), sinh ngày 03/6/2011 và Mai N G H (nữ), sinh ngày 10/9/2013. Giao cho chị VA trực tiếp nuôi 03 con chung. Ghi nhận sự tự

nguyện của anh H cấp dưỡng tiền nuôi 03 con chung cho chị V A hàng tháng, mỗi cháu là 2.000.000đồng/01 tháng. Tổng cấp dưỡng là 6.000.000(Sáu triệu đồng)/01 tháng. Việc cấp dưỡng được thực hiện kể từ tháng 9 năm 2017 cho đến khi cháu C, cháu L, cháu H trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác thay thế.

Anh H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung** (gồm động sản và bất động sản): Chị V A, anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên tòa không xem xét.

- **Về nợ**: Chị V A, anh H xác nhận tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí** : Chị VA tự nguyện chịu cả 300.000 đồng án phí theo quy định của pháp luật. Chị V A đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005822 ngày 29/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa. Chị V A đã nộp đủ án phí. Anh Mai N H phải chịu 150.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con (chưa nộp).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã H C, huyện TB, tỉnh P T.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ)

Đặng Thi Hường